

Bản án số: 273/2024/DS-PT

Ngày: 18/11/2024

V/v Tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Ngọc Thúy;

Bà Ngô Ngọc Phi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 11 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 274/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2023/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 288/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ C, ấp V, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1959; nơi cư trú: khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 23/5/2023). (vắng mặt)

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Văn C (Nguyễn Văn T), sinh năm 1982; (có mặt)

2.2 Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1983; (có mặt)

Cùng nơi cư trú: Tổ I, ấp P (nay ấp P), xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Hoàng D, sinh năm 1960; Nơi cư trú: Tổ F, đường N, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Chỗ ở hiện nay: Số A, Tổ C, ấp V, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn C (Nguyễn Văn T) và bà Nguyễn Thị C1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Tại đơn khởi kiện của ông Trần Văn H và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn M đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 26/3/2015 dương lịch bà Nguyễn Thị C1 có làm biên nhận đã nhận số tiền hót hụi 43.755.000 đồng có ghi tên chồng là Nguyễn Văn C, sinh năm 1982 và có ký tên vào biên nhận hót hụi tên Nguyễn Thị C1. Sau đó bà C1 không làm tròn nghĩa vụ trả nợ số tiền hụi đã hót. Ông H đã nhiều lần yêu cầu bà C1 trả tiền nợ hụi, bà không thực hiện. Đến ngày 20/3/2023, ông H có trực tiếp đến nhà bà C1 yêu cầu thanh toán, bà C1 cho rằng đã trả xong tiền hụi cho ông H, không còn thiếu nữa. Nay yêu cầu bà Nguyễn Thị C1, ông Nguyễn Văn C (T) phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông H số tiền 43.755.000 đồng.

Theo Tờ tường trình và lời khai trong quá trình giải quyết bị đơn bà Nguyễn Thị C1 trình bày: Bà thừa nhận là có tham gia dây hụi ngày do ông H là chủ, dây hụi khởi sự ngày 06/02/2015AL (26/3/2015DL), mần hụi 16/4/2015AL, dây hụi có 70 người tham gia, bà tham gia 15 phần. Đối với dây hụi này bà hót hụi được 15 phần vào ngày 06/02/2015AL (26/3/2015DL) và có làm biên nhận đã hót hụi với ông H, số tiền hót hụi là 43.755.000 đồng, bà đã nhận và có ký tên vào biên nhận hụi.

Từ ngày 26/3/2015 DL, từ đó trở về sau hằng ngày bà đều châu hụi ngày cho ông H thông qua hình thức chuyển khoản, hoặc lấy tiền mặt và còn nợ lại 16.500.000 đồng tiền hụi và tiền làm ăn nợ ông H 13.500.000 đồng, tổng số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng. Số tiền 30.000.000 đồng ông H điện thoại đòi nợ bà và nhờ cha của ông H qua nhà bà nhận tiền, bà đồng ý, trong khi đó bà không có tiền trả cho ông H, cha chồng bà (Nguyễn Văn C2) mới cho 01 công đất cầm cố lấy tiền trả cho ông H. Sau đó cha ông H mới qua nhà bà nhận trực tiếp số tiền 30.000.000 đồng có sự chứng kiến của Nguyễn Văn C2 (cha chồng) và bà N gần nhà cùng cư trú: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Sau thời gian đó hai bên không qua lại nữa, khoảng 8 năm sau ông H lại thuê người qua nhà bà đòi tiền. Bà nói đã trả tiền rồi không còn nợ ông H nữa, thấy vậy nhóm người ông H thuê bỏ về, hôm nay lại kiện bà. Do đó, nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C (Nguyễn Văn T) trong quá trình giải quyết vụ án, ông thống nhất ý kiến của bà C1, không có ý kiến bổ sung.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 150/2023/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2023 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số: 08/2024/QĐ-SCBSQĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26; Điều 147, Điều 155; Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Trần Văn H.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị C1 liên đới trả cho ông Trần Văn H số tiền 43.755.000 đồng (Bốn mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự, án phí dân sự sơ thẩm; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 10/6/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị C1 và ông Nguyễn Văn C (Nguyễn Văn T) có đơn kháng cáo quá hạn, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm số 150/2023/DSST ngày 08/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện A do ông bà không đồng ý.

Ngày 29/7/2024 Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã có Quyết định số 23/2024/QĐ-PT chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của ông Nguyễn Văn C (T) và bà Nguyễn Thị C1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C (T) và bà C1 vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C (T) và bà Nguyễn Thị C1 có ý kiến: yêu cầu chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông bà vì đã trả xong tiền nợ hụi 43.755.000đ cho ông H, trong đó có số tiền 30.000.000đ trả cho cha ông H. Ông, bà xác định không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới. Riêng ông C xác định trước đây ông tên Nguyễn Văn C nhưng khi làm căn cước công dân vào tháng 8/2023 thì trích lục giấy tờ xác định tên ông là Nguyễn Văn T nên ông xác định ông H kiện ông ghi Nguyễn Văn C là đúng tên và đúng người.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C (Nguyễn Văn T) và bà Nguyễn Thị C1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2023/DS-ST ngày 08/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện A. Bị đơn chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Văn C (T) và bà Nguyễn Thị C1 tuy làm đơn kháng cáo quá hạn nhưng đã được cấp phúc thẩm chấp nhận việc kháng cáo quá hạn và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông Trần Văn H do ông Nguyễn Văn M đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt xét xử; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hoàng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông M, ông D.

Tại phiên tòa, bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn C (Nguyễn Văn T) và bà Nguyễn Thị C1, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Theo lời khai các đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Giữa ông H và bà C1 có tham gia quan hệ góp hụi; ngày 26/3/2015DL, bà C1 có hốt hụi và nhận số tiền hụi từ ông H là 43.755.000đ và bà C1 có ký tên vào biên nhận. Nay ông H kiện đòi số tiền 43.755.000đ theo biên nhận ngày 26/3/2015.

Bị đơn cho rằng trả nhiều lần và lần cuối trả 30.000.000đ cho cha của ông H, nhưng không có căn cứ chứng minh, không có giấy tờ trả, ông Trần Văn D1 không thừa nhận có nhận tiền của bị đơn. Ngoài ra, theo lời khai những người làm chứng theo yêu cầu của bị đơn như: Nguyễn Văn C2 và bà Trần Thị N đều không đủ cơ sở để chứng minh phía bị đơn có trả 30.000.000đ cho cha ông H (ông D1). Như vậy, bị đơn không chứng minh được đã thanh toán số tiền nợ hụi 43.755.000đ cho ông H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc ông C (T) và bà C1 phải liên đới trả cho ông Trần Văn H số tiền 43.755.000đ là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

Nay ông C (T), bà C1 kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C (T), bà C1 như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông C (T), bà C1 phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C (Nguyễn Văn T) và bà Nguyễn Thị C1.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2023/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2023 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số: 08/2024/QĐ-SCBSQĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Căn cứ: khoản 2 Điều 26; Điều 147, Điều 155; Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H.

Buộc ông Nguyễn Văn C (Nguyễn Văn T) và bà Nguyễn Thị C1 liên đới trả cho ông Trần Văn H số tiền 43.755.000đ (Bốn mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự:

2.1 Án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn C (Nguyễn Văn T) và bà Nguyễn Thị C1 phải chịu số tiền 2.187.750đ (hai triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm,

Ông Trần Văn H được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.093.875đ (một triệu, không trăm chín mươi ba nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0008282 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

2.2 Án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị C1 phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0010001 ngày 15/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Văn C (Nguyễn Văn T) phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0010000 ngày 15/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện A;
- Chi cục THA-DS huyện A;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Minh Châu

